

Bản án số: 191/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Phương T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp QT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp QT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Ngô Phương T tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Bà Ngô Phương T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2012 tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ngô Phương T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Phước T1, sinh ngày 15/6/2006 (giới tính nam) và Nguyễn Phước T2, sinh ngày 02/3/2012 (giới tính nam), hiện do bà T đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà T tự nguyện để cho ông T tiếp tục nuôi dạy con chung, bà không đặt ra yêu cầu gì về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ngô Phương T và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

**Trình bày của ông Nguyễn Văn T:*

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Phương T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2012 tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nhỏ do bà T đòi đi làm ăn xa, ông T không thống nhất, từ đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau dẫn đến việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T. Nay xét thấy còn tình cảm với vợ nên ông T không thống nhất ly hôn với bà T, ông yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Ông T và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Phước T1, sinh ngày 15/6/2006 (giới tính nam) và Nguyễn Phước T2, sinh ngày 02/3/2012 (giới tính nam), hiện do ông T đang nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Ngô Phương T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp QT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Ngô Phương T xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Phương T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2012 tại UBND xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ngô Phương T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định bà và ông T không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, do ông T vắng mặt tại phiên hòa giải, bà T cương quyết ly hôn với ông T cho thấy mục

đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà T và ông T không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Phước T1, sinh ngày 15/6/2006 (giới tính nam) và Nguyễn Phước T2, sinh ngày 02/3/2012 (giới tính nam), hiện do ông T nuôi dạy. Khi ly hôn, ông T tự nguyện tiếp tục nuôi dạy con chung. Xét thấy, con chung đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với ông T, tại phiên tòa ông T thống nhất tiếp tục nuôi dạy con chung nên cần chấp nhận đề cho ông T tiếp tục nuôi dạy con chung. Ông T yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định. Xét yêu cầu của ông T là phù hợp nên cần chấp nhận, buộc bà T cấp dưỡng nuôi con theo mức $\frac{1}{2}$ mức lương căn bản/tháng/cháu, tức 745.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Bà T và ông T xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Ngô Phương T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Phương T về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Ngô Phương T và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước T1, sinh ngày 15/6/2006 (giới tính nam) và Nguyễn Phước T2, sinh ngày 02/3/2012 (giới tính nam) cho ông T tiếp tục nuôi dạy. Buộc bà T cấp dưỡng nuôi con theo mức $\frac{1}{2}$ mức lương căn bản/tháng/cháu, tức 745.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2022, bà T có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015199 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đổi trừ, bà T nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBD;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh